

Phẩm 21: THẬP HẠNH

- Số câu: “Kinh Nhân Vương gọi là Mười Chỉ”: Tức kinh ấy, quyển Thượng phần nói về “Phục nhĩn”, Thánh thai là ba mươi bậc, tức mười Tín, mười chỉ, mười kiên Tâm như đã nêu dẫn trên.

- Số câu: “Kinh Phạm Võng gọi là trưởng dưỡng”: Tức kinh ấy lập tên gọi ba Hiền là:

Mười Phát thú (mười Trụ).

Mười Trưởng dưỡng (thập Hạnh).

Mười Kim cương (thập Hồi Hưởng).

- Số câu: “Lược bớt không nói đến hạnh hỗ trợ để hoá độ người có thiện căn”: Tức mười Trụ đã loại trừ Hữu. Kinh viết: “Cũng là diệu lực Trí thù thắng nơi ông”, nên nói là “Lược bớt, không đề cập tới”.

- Số câu: “Trong phần riêng, một là biện tài nhanh nhạy”: Là nghĩa của bảy thứ biện tài, phần văn trước đã có, đến phẩm thập Địa lại bàn rộng.

- Số từ câu: “Cùng với pháp giới tiếp xuống, là hiển bày về tướng của sự khó nghĩ bàn”: Văn nơi phần Sơ giải gồm hai:

Một: Chính thức giải thích

Hai: Dung hợp

Trong phần một có ba chi tiết:

Một là, dựa theo pháp để nói, phối hợp riêng về Sự, Lý để thành chỗ sâu rộng

Hai là, từ câu: “Lại nữa, siêu vượt...” tiếp xuống; Là đối chiếu với người để hiển bày.

Ba là, Từ câu: “Lại, Tức Sự của Lý” tiếp xuống: Là giải thích về Sự Lý cùng dung thông. Tức pháp giới chung cho bốn thứ pháp giới.

Hư không là dụ. Cũng hàm chứa bốn nghĩa:

Một là, Sự pháp giới.

Hai là, từ câu: “Tức Lý của Sự” tiếp xuống: Là nêu rõ về Lý Pháp giới. Trong đó hiển bày chẳng phải là danh ngôn biểu thị nghĩa chẳng phải là danh ngôn hiển bày cảnh có thể đạt được, tức chẳng thể nghĩ bàn.

Ba là, câu: “Huống chi cả hai cùng dung hợp, thấu triệt”: Tức là Pháp giới Sự Lý vô ngại.

Bốn là, Từ câu: “Có thể khiến một Hành thâm tóm...” tiếp xuống: Là nêu rõ về Pháp giới Sự sự vô ngại.

Nhưng chỗ dấy khởi như trên, phải do Sự tức là Lý, mới có thể

dùng Lý dung thông Sự mà có Sự sự không ngăn ngại.

Phần tiếp sau là dẫn chứng, theo văn có thể nhận biết.

Pháp giới thứ ba là Sự Lý vô ngại, cũng nên gọi là Hư không chẳng ngăn ngại nơi Sắc, Sắc chẳng ngăn ngại Hư không. Pháp giới thứ tư là Sự Sự Vô ngại cũng như Hư không hội nhập nơi một lỗ chân lông, tức thấu tóm cái không của pháp giới vô biên.

- Sở từ câu: “Lại, nếu chỉ ngăn chặn” tiếp xuống: Là phần thứ hai dung hợp. E vướng mắc ở chỗ dứt tuyệt mọi nghĩ bàn, nên ở đây “Dứt Tuyệt” chỉ là bao hàm câu “Dứt tuyệt nơi Tâm”. “Dung hợp” tức nói về “Vô ngôn”. Cho nên cho là: “Trong đó, sự nghĩ bàn là chẳng thể cùng tận”. Tức dùng văn nơi kệ thuộc Hội Hường thứ tám về tướng Chân như, cho Bồ tát trụ là chẳng thể nghĩ bàn, trong ấy sự nghĩ bàn là chẳng thể cùng tận. Hội nhập là Xứ chẳng thể nghĩ bàn. Tư duy cùng với chẳng phải là tư duy đều vắng lặng.

Trên tức là ý của nửa trên (kệ). Từ câu: “Ngăn chặn, dung hợp là không hai” tiếp xuống: Là ý của nửa sau.

- Sở câu: “Chẳng thể nghĩ bàn tức là chỗ hành hoá của Chân thân”: Tức nêu ra thập Địa ở phần sau, trong sáu quyết định có sự khéo quyết định chân thật. Phần kinh ấy viết: “Chẳng thể nhận thấy”. Nay thì dùng “Chẳng thể nghĩ bàn” cũng là tương đương.

- Nói “Không quán cùng hành”: Phần kinh kia nói: “Không tạp loạn” tức không mang hình tướng tạp loạn. Kinh hiện tại, phần trước Địa vẫn còn mang lấy tướng Như, nên không nói là “không tạp loạn”.

- Sở câu: “Cho nên không có hành lớn”: Hành hoá lớn kết hợp tức là biến hiện khắp các cõi Phật, có thể cứu giúp khắp tất cả chúng sinh. Nay thì không có câu này.

- Sở câu: “Kinh Bản Nghiệp nói: Mới tiến vào nơi pháp không” Phần trước đây của kinh nêu rõ tổng quát là từ Trụ hội nhập Hành, là từ Quán đỉnh tăng tiến hội nhập nơi Tánh không của pháp năm Ấm, cũng là thực hành tám vạn bốn ngàn pháp Ba-la-mật. Do đấy gọi là thập Hạnh.

- Sở câu: “Kinh kia nói: Đạt được pháp nhãn đích thật”: Văn Kinh nêu đầy đủ là: “Ở nơi pháp thật đạt được pháp nhãn, Tâm không có ngã và ngã sở”.

- Sở câu: “Luận Du Già, phần nói về Bồ tát địa, nơi sáu pháp Ba-la-mật, mỗi pháp đều có chín môn”: Tức ba mươi chín pháp đứng đầu, nơi phẩm Minh Pháp đã nêu dẫn tóm lược. Nay lại nêu dẫn đủ. Văn nơi bản Sở giải chỉ giải thích chung về tướng của chín môn nơi sáu pháp Ba-

la-mật. Chỗ nêu ra tên gọi là văn của Luận. Câu văn từ chữ vị (Nghĩa là) trở xuống là phần giải thích của bản Sở giải. Nay, trước là nêu ra đầy đủ về chín môn của pháp Bồ thí.

Phần Tụng của Luận viết:

*“Tự Tánh, Nhất Thiết, Nan Hành
Nhất thiết môn, Thiện sĩ
Nhất thiết chủng, Toại cầu
Nhị thế lạc, Thanh tịnh”.*

- Một: Tự tánh Bồ thí: Nghĩa là chư vị Bồ tát, cho đến thân mạng, tài sản không hề luyến tiếc, có thể bố thí tất cả các vật dụng nên bố thí, không tham tiếc cùng khởi suy tính. Lại, nhân chỗ phát khởi ấy mà có thể bố thí tất cả vật dụng. Hai nghiệp Thân, ngữ an trụ nơi luật nghi, gốc của pháp... đó gọi là tự tánh bố thí của Bồ tát.

- Hai: Nhất thiết thí (Bố thí hết thảy) Lược có hai pháp:

Thứ nhất: Sự vật bên trong.

Thứ hai: Sự vật bên ngoài.

Lại nữa, vật của sự “Bố thí hết thảy”, đó là Tài sản, giáo pháp và sự Vô úy.

- Ba: Nan Hành Thí: (Bố thí trong những trường hợp khó làm). Có ba trường hợp:

Thứ nhất: Tài sản, vật dụng rất ít mà tự bố thí cho kẻ nghèo khó

Thứ hai: Bố thí những vật mình vốn rất ưa thích, gắn bó sâu sắc

Thứ ba: Bố thí những vật dụng mà mình đã trải qua khó khăn, gian khổ mới có được.

- Bốn: Nhất thiết môn thí: Gồm bốn:

Thứ nhất: Tài sản, vật dụng của chính mình.

Thứ hai: Vật dụng do khuyến bảo kẻ khác mà có

Thứ ba: Bố thí cả cha mẹ, vợ con, nô tỳ v.v...

Thứ bốn: Bố thí cho tất cả những ai đến cầu xin.

- Năm: Thiện sĩ thí (Bố thí của bậc thiện sĩ) Gồm năm:

Thứ nhất: Bố thí với lòng tin thanh tịnh

Thứ hai: Bố thí với sự cung kính

Thứ ba: Tự tay làm việc bố thí

Thứ tư: Bố thí hợp thời.

Thứ năm: Bố thí không làm náo loạn kẻ khác.

- Sáu: Nhất Thiết Chủng Thí: có sáu và bảy nên là mười ba.

- Nói sáu loại gồm:

Một là, Bố thí không nương tựa.

Hai là, Bố thí rộng lớn.
Ba là, Bố thí với sự hoan hỷ.
Bốn là, Bố thí thường xuyên.
Năm là, Bố thí về vật dụng tạo nhân.
Sáu là, Bố thí chẳng phải là vật dụng tạo nhân.

- Nói bảy loại, là:

Một là, Bố thí hết thấy vật dụng.
Hai là, Bố thí khắp tất cả nơi.
Ba là, Bố thí trong hết thấy thời.
Bốn là, Bố thí không tạo tội.
Năm là, Bố thí các vật dụng thuộc chúng sinh.
Sáu là, Bố thí các vật gây tạo của cải.

Bảy: Toại Cầu thí (Bố thí thoã mãn mọi mong cầu) gồm tám loại:

Thứ nhất: Thiếu thốn về ăn uống thì bố thí về ăn uống.

Thứ hai: Thiếu thốn về xe cộ thì bố thí xe cộ

Thứ ba: Y phục.

Thứ tư: Vật dùng để trang sức

Thứ năm: Các vật dụng cần thiết cho cuộc sống.

Thứ sáu: Các thứ hương liệu để xoa xông trang sức.

Thứ bảy: Nhà cửa.

Thứ tám: Ánh sáng.

Các loại từ thứ ba-tám đều như hai loại đầu.

- Tám: Bố thí đem lại an vui cho đời này đời khác: Gồm chín loại:

Tức là nơi Tài thí, pháp thí và Vô úy thí, mỗi thứ đều có ba loại:

- Tài thí có ba loại:

- Loại một có ba chi tiết:

Vật bố thí thanh tịnh như pháp.

Điều phục tâm sự keo kiệt cấu uế.

Điều phục tâm sự tích chứa, cất giữ cấu uế

Hai là, xả bỏ sự chấp trước về tài sản, vật dụng.

Ba là, xa bỏ sự chấp trước về thọ dụng.

- Vô úy thí có ba loại:

Một là, Cứu giúp khỏi nỗi sợ hãi về các loài thú dữ.

Hai là, Cứu giúp thoát khỏi sự sợ hãi về vua quan, giặc cướp.

Ba là, cứu giúp thoát khỏi sự sợ hãi về nạn nước, lửa v.v

- Pháp thí có ba loại:

Một là, thuyết giảng pháp dứt mọi điên đảo.

Hai là, thuyết giảng pháp xứng hợp với lý.

Ba là, khuyến khích việc tu học.

- Chín: Bồ thí thanh tịnh có mười loại:

Một là, Bồ thí không gây trở ngại.

Hai là, Bồ thí không chấp giữ.

Ba là, Bồ thí không tích tụ.

Bốn là, Bồ thí không phô trương.

Năm là, Bồ thí không có chỗ dựa cậy.

Sáu là, Bồ thí không thối chuyển.

Bảy là, Bồ thí không thấp kém.

Tám là, Bồ thí không nhằm sự chống đối.

Chín là, Bồ thí không mong đạt phước báo.

Mười là, Bồ thí không trông vào quả Dị thực.

Phần còn lại như nơi Luận ấy đã diễn rộng.

Rõ ràng là trong chín môn thì “Tự Tánh”, đều có một loại, “Nhất Thiết” đều có hai loại và ba loại, “Nan hành” đều có ba loại, “Nhất Thiết môn” đều có bốn loại “Thiện Sĩ” đều có năm loại, “Nhất Thiết chủng” thì có sáu loại, bảy loại cộng là mười ba loại, “Toại cầu” đều có tám loại, “Nhị thế lạc” đều có chín loại và “Thanh tịnh” đều có mười loại, nhưng cùng tùy theo độ (Ba-la-mật) mà có khác nhau. Trong phần văn tiếp sau, nội dung của chín môn hoặc nhiều hoặc ít, chưa hẳn đều hoàn toàn. Nếu phối hợp từng mỗi mỗi loại thì sẽ phiền toái, nên tùy chỗ hiển bày mà kết hợp để nhận biết pháp bao hàm.

- Số câu: “Thứ nhất, thấu tóm bao hàm bốn môn trước v.v...”: Tức chỉ rõ về tướng bao hàm của kinh này. Phần tiếp dưới đã phối hợp riêng. Câu: “Một là Thí chủ”, tức là môn thứ nhất trong chín môn (Tự Tánh). Luận Tạp Tập, quyển thứ tám nói: “Thế nào là bố thí viên mãn? Nghĩa là bố thí thường xuyên, bố thí không thiên vị, tùy theo sở nguyện mà bố thí trọn đủ. Dựa nơi nghĩa này nên kinh nói là “Đại thí chủ”, ở đây là làm rõ tính chất bố thí thường xuyên, lại do tập quán thành tánh nên có thể thực hiện liên tục.

- Số câu: “Thứ nhất, hoặc trong - hoặc ngoài”: Tức hai nghĩa trước trong môn Nhất Thiết Thí của chín môn.

“Thứ hai, hoặc khó hoặc dễ”: Tức là môn “Nan hành”.

“Thứ ba, Tài, pháp, Vô úy”: Tức là nghĩa sau của môn “Nhất Thiết thí”.

“Thứ tư, thấu tóm môn thứ tư là “Nhất Thiết môn”, môn thứ sáu là “Nhất thiết chủng”.

“Thứ năm tức Toại cầu nên thâm tóm năm môn còn lại.

- Số câu: “Văn có năm câu dùng để thâm tóm mười nghĩa”: Chỉ xem chỗ nêu ra ở trước cũng đủ biết về thứ lớp.

- Số câu: “Thứ nhất là hiện thực hành Tài thí...”: Tức là ba Tướng của môn Nhất Thiết thí trong chín môn. Phần nói về sáu độ ở trước tuy đều lược nêu ra, nhưng nay dựa theo Nhiếp Luận để giải thích. Bản Luận viết: “Ba loại Thí là: Một là Pháp thí, hai là Tài thí, ba là Vô úy thí”. Đại sư Vô tánh giải thích: “Gọi là Pháp thí, nghĩa là tâm không cấu nhiễm, giảng nói các pháp như thật của khế kinh. Tài thí, tức Tâm không cấu nhiễm, bố thí các vật dụng cần thiết cho đời sống. Vô úy thí tức Tâm không gây tổn hại, cứu vớt khỏi sự sợ hãi.”

Giải thích: Đây là lượt thứ nhất nói về Hành tướng của tự bố thí. Luận viết: “Lại nữa, Pháp thí là nhằm giúp ích cho kẻ khác có được thiện căn. Tài thí là nhằm đem lại lợi ích cho thân mạng kẻ khác. Vô úy thí là nhằm đem đến cho kẻ khác những lợi lạc nơi Tâm.”

Giải thích: Đây là lượt thứ hai nêu rõ về mục đích của việc làm của bố thí. Ngài Thiên Thân cũng đồng với chỗ giải thích của Luận này. Lại nói: “Do nhân duyên ấy nên nói có ba thứ bố thí”. Lương Nhiếp Luận nói: Pháp thí tạo lợi ích cho Tâm của kẻ khác. Tài thí đem lại lợi ích cho thân mạng của kẻ khác. Vô úy thí thì tạo lợi ích chung cho cả thân tâm. Lại nữa, do Tài thí nên có kẻ hưởng tới điều ác, đều khiến quay về nẻo thiện. Do vô úy thí nên đã nhiếp phục mọi người khiến họ trở thành quyến thuộc. Do Pháp thí nên khiến đối tượng phát sinh thiện căn cùng thành tựu đầy đủ về giải thoát. Do gồm đủ các nghĩa ấy nên nói có ba thứ Bố thí.

- Số câu: “Dựa theo Luận của Bồ tát Vô Trước thì có sáu thứ ý lạc”:

Một: “Phương tiện ý lạc”: Tức là sự tác ý trước hết.

Hai: “Hoan hỉ ý lạc”: Nghĩa là thấy người cầu xin thì hết mực hoan hỉ. Gặp kẻ hành khát thì luôn có tâm ý hoan hỉ.

Ba: “Ân đức ý lạc”: Tức nếu gặp kẻ hành khát thì nơi thâm tâm có sự biết ơn, mang ơn, do kẻ ấy mà khiến mình thành tựu được các hạnh thù thắng.

Bốn: “Quảng đại ý lạc”: Nghĩa là hành hoá bố thí rộng khắp chỉ kỳ vọng về quả lớn.

Năm: “Thiện hảo ý lạc”: Tức là bố thí khiến người cầu xin hiện tại được no đủ, an lạc, đời vị lai đạt được đạo pháp.

Sáu: “Thanh tịnh ý lạc”: Nghĩa là lìa bỏ mọi hình tướng, mọi

chương ngại để thành tự pháp Ba-la-mật.

Nơi phần Sở giải, một là nêu ra tên gọi, hai là theo văn để giải thích, trong đó mới giải thích về Tướng nên ở đây cùng nêu lên.

- Sở câu: “Thứ nhất là tự kỳ vọng về quả lớn, cũng là Quảng đại ý lạc.

Trên là giải thích tổng quát về Quảng đại ý lạc. Có hai nghĩa:

Thứ nhất: Nghĩa là hành hoá bố thí rộng khắp.

Thứ hai: Chỉ là kỳ vọng nơi quả lớn.

Phần trước, tất cả không chống trái tức là ý thứ nhất. Nay chỉ theo ý thứ hai: Kỳ vọng nơi quả lớn.

- Sở câu: “Cũng là Thiện Hảo ý lạc”: Cũng có hai nghĩa:

Một: Khiến kẻ hành khát hiện tại được no đủ, an vui.

Hai: Đời vị lai đạt được đạo pháp.

Nay là ý sau.

- Sở câu: “Tuỳ tướng, lia tướng mà hành ắt phải đồng thời”: Tức chỉ rõ chung về nghi thức.

- Nói “Như kinh đại Bát-nhã”: Tức như Bát-nhã thanh tịnh, trải khắp hơn tám mươi thứ, lần lượt đều là đứng đầu, thành hơn trăm quyển. Như tính chất “Thanh tịnh” đã như thế. Nếu cho “Vô sinh” là đứng đầu thì cũng trải khắp các pháp, không trụ, không nương, không thủ đắc, không hình tướng, mỗi mỗi đều như thế...

- Sở câu: “Ngã là chủ thể, tức các uẩn giả hợp”: Tức văn nơi Duy Thức. Luận viết: “Ngã là chủ thể”. Phần Sở giải của Luận viết: “Chủ như vị vua làm chủ, luôn được tự tại. Thể như Thể tướng, có khả năng phân biệt quyết đoán”.

“Các uẩn giả hợp”: Tức ở trong các uẩn giả biến lập, nên gọi là Ngã. Luận Duy Thức viết: “Thế gian, Thánh giáo nói có ngã pháp. Chỉ do giả lập, chẳng phải thật có Tánh”.

Giải thích: Giả có hai nghĩa:

Một: Không có Thể, theo tình nên giả, tùy theo chỗ tự chấp về tình gọi là ngã pháp, tức các kiến chấp của ngoại đạo.

Hai: Có Thể tánh nhưng gượng nêu bày nên giả. Tùy theo bậc theo duyên mà giả nêu bày, tức là chỗ giảng nói của Thánh giáo. Nay, đối với hai nghĩa thì dựa theo phần sau nơi văn của Trí Luận và Luận Du Già thích hợp với nghĩa đầu.

- Sở câu: “Cho nên Trí Luận quyển thứ ba mươi lăm viết”: Luận nêu câu hỏi: “Như ngã cho đến nhận thức là một sự việc hay mỗi mỗi đều khác nhau? Đáp: Đều là một ngã, chỉ do tùy theo sự việc nên khác

nhau. Ở trong năm Ấm, Tâm dấy khởi về ngã và ngã sở, nên gọi là Ngã”.

Giải thích: Câu tiếp theo nói: “Chỉ là một ngã” tiếp xuống: Tức là văn của Luận nêu trên.

- Sở câu: “Luận Du Già phần lớn đồng với lối giải thích này”: Luận viết; “Ở nơi năm uẩn, ngã và ngã sở luôn hiện hành phía trước hết”. Tức nơi Luận quyển thứ tám mươi ba.

- Sở từ câu: “Nhưng do mê chấp nơi duyên sinh cho là thật tánh” tiếp xuống: Là giải thích về nghĩa “Không”.

- Sở câu: “Nếu quán riêng về lý do của vô thì như Định thứ hai trong phẩm mười Định”: Tức nơi kinh Hoa Nghiêm quyển thứ bốn mươi: “Bồ tát nhận biết tất cả pháp đều là Vô ngã. Đây gọi là hội nhập pháp vô mạng, vô tác. Bồ tát ở nơi tất cả thế gian siêng năng tu hành pháp Vô tránh, nên gọi là an trụ nơi pháp vô ngã. Bồ tát nhận biết đúng như thật về tất cả Thân đều từ duyên khởi, nên gọi là an trụ nơi pháp không có (vô) chúng sinh. Bồ tát biết rõ tất cả các pháp sinh diệt đều từ duyên sinh, nên gọi là an trụ nơi pháp không có không (vô) Bồ-đặc-già-la, Bồ tát nhận biết các pháp bản tánh bình đẳng, nên gọi là an trụ nơi pháp không có (vô) ý sinh, không có Ma-nạp-bà v.v... (Nho đồng)

Giải thích: Đây tức là quán riêng về nguyên do của “Vô”.

- Sở câu: “Luận Trí độ nói: Trong chỗ hoà hợp của năm Ấm mà sinh ra” nên gọi là chúng sinh. Luận Du Già có hai cách giải thích. Nay là cách thứ nhất.

Nói “Chỉ có pháp này” tức có pháp Hữu tình ấy. “Hữu tình” là Thức.

Nói “Hoàn toàn, không còn sót” tức ngoài Thức kia không có riêng Thể của ngã khác.

Cách thứ hai nói: “Lại ở nơi kia có sự tham ái”. Phần Sở giải của Luận giải thích: “Nói ở nơi kia” thì kia tức là tám Thức trong đối tượng tham ái, tức là có Tâm của chủ thể tham ái, nên gọi là Hữu tình. Hữu tình tiếng Phạm là Tát đoá, cách dịch cũ là Chúng sinh.

- Sở câu: “Ba là có Tướng”: Phần này có thể nhận biết.

- Sở câu: “Bốn là Mạng”: Chỗ văn giải thích ấy là của Trí Luận. Nêu đầy đủ là: “Mạng căn thành tựu nên gọi là thọ, là mạng”.

Giải thích: Ở đây Luận cùng giải thích về hai thứ “thọ, mạng” ở trong kinh, do Thể của mạng căn là Thọ (thọ mạng). Điều này đã gặp nơi phẩm Vấn minh. Ngài Thế Thân giải thích: “Là một quả báo khiến mạng căn không bị đứt đoạn”. Kệ của Luận nói:

“Chẳng đoạn đến mạng trụ”.

Đại Vân giải thích: “Đây là mạng căn”. Luận Du Già cũng dùng hai pháp ấy kết hợp để giải thích.

- Sở câu: “Năm là chủng chủng... cách dịch mới gọi là dị sinh”: Tức nơi kinh Đại Bát-nhã quyển thứ mười ba. Phần trước nêu dẫn Trí Luận, về văn có tóm lược một ít. Nêu đủ tức nơi kinh Đại Phẩm gọi là “Chứng số”. Trí Luận nói: “Từ nơi ngã, nhân mà có nhiều loại pháp như Ấm giới. Lại, chấp giữ nơi ngã, nhân là các thứ pháp Ấm, Giới, Nhập. Pháp của số nhiều là nghĩa chủng chủng. Sáu là Bồ-đặc-già-la, tức cách gọi trong Luận Du Già.

- Sở câu: “Bảy là nhân, người tức có sự linh diệu so với đất đá, cỏ cây”: Tức là lời của đại sư Đạo sinh ở Quan Trung, ý xuất xứ từ Trí Luận. Luận Du Già gọi là Sĩ phu, tức tướng thứ sáu trong mười bảy Tướng. Luận viết: “Nói dưỡng dục tức là làm tăng trưởng chỗ tạo nghiệp của đời sau. Có thể tạo tác tất cả nẻo dụng của Sĩ phu”.

Phần Sở giải của Luận ấy nói: “Nói dưỡng dục, tức nghĩa khiến thọ mạng được dồi dào, sung mãn, chẳng bị đoạn tuyệt. Nghiệp khiến dẫn đến quả có phần dụng của sĩ phu cho tới đời vị lai chẳng thể tận cùng, nên gọi là dưỡng dục”.

Giải thích: Luận ấy đã cùng giải thích về Sĩ phu và dưỡng dục, văn ở đây do thuận tiện nên nêu dẫn.

- Sở câu: “Tám là Ma-nạp-bà, đây gọi là Nho đồng”: Tức xuất xứ từ Trí Luận. Nếu là Luận Du Già thì gọi là “Nương tựa nơi ý”. Hoặc cao hoặc thấp. Phần Sở giải của Luận nói: “Ý cao thấp” là căn cứ theo Hành để giải thích. Nhưng hành thấp cao đều do nơi ý. Kẻ còn nhỏ tuổi thì cao thấp chẳng cố định, nên dùng sự cao thấp để hiển bày”.

Giải thích: “Chỗ cao thấp của kẻ nhỏ tuổi” tức chỉ cho hàng thiếu niên có học.

- Sở từ câu: “Kinh đại Bát-nhã quyển thứ ba, bốn”: Tiếp xuống: Là tóm kết chỉ rõ về nguồn gốc. Cổ nhân có phân chương môn, gồm bảy môn phân biệt:

Một: Nêu ra tên gọi. Hai: Giải thích tên. Ba: Bàn về Thể tánh. Bốn: Liệt hai chấp. Năm: Điều phục chỗ Hại. Sáu: Thành tựu về Quán. Bảy: Hỏi đáp.

Một: Các thuyết cùng đối chiếu về chỗ sai biệt lược có ba loại:

Thứ nhất: Số lượng tăng giảm.

Thứ hai: Có và không cùng có

Thứ ba: Danh tự biến chuyển.

- Về số lượng tăng giảm: Như Hồi Hưởng thứ sáu chỉ có tám, lược bớt không có “Ngã chung” và “Chủng chủng”.

Mười định có bảy như đã nêu dẫn ở trên:

Một là người tạo tác.

Hai là Thọ mạng.

Ba là Ngã.

Bốn là Chúng sinh.

Năm là Bồ-đặc-già-la.

Sáu là ý sinh

Bảy là Ma-nạp-bà (Nho đồng)

Tức lược bớt không có “Người thọ nhận” cùng với “Chủng chủng”; mà thêm “Ngã chung”.

Kinh đại Bát-nhã quyển thứ bốn nói có mười bảy Tướng:

Một: Ngã. Hai: Hữu tình. Ba: Mạng. Bốn: sinh. Năm: Dưỡng. Sáu: Sĩ phu. Bảy: Bồ-đặc-già-la. Tám: Ý sinh. Chín: Nho đồng. Mười: Người tạo tác. Mười một: Khiến tạo tác. Mười hai: Dấy khởi. Mười ba: Khiến dấy khởi. Mười bốn: Thọ nhận. Mười lăm: Khiến thọ nhận. Mười sáu: Hiểu biết. Mười bảy: Nhận thức.

Nơi quyển thứ mười ba chỉ nói đến mười bốn Tướng: Thiếu khiến tạo tác (Tướng mười một) dấy khởi (tướng mười hai) khiến dấy khởi (mười ba), khiến thọ nhận (mười lăm), tức thiếu bốn, nhưng thêm một là dị sinh. Dị sinh nghĩa tương đương với sự dấy khởi. Ba Tướng về khiến (Tướng mười một, mười ba, mười lăm) đại thể là giống nhau.

Thứ hai là về “Có và không cùng có”: Đã bao hàm ở trong phần Tăng giảm nêu trên.

Thứ ba là “Danh tự biến chuyển”: Tức như ở đây gọi là “Chúng sinh”, trong kinh đại Bát-nhã gọi là Hữu tình, đây gọi là “Bồ-đặc-già-la”. Kia gọi là Bồ-đặc-già-la, ở đây gọi là Người. Kia gọi là Sĩ phu, ở đây gọi là Ma nạp bà. Kinh đại Bát-nhã gọi là Nho đồng. Hồi Hưởng gọi là đồng tử. Đây gọi là Hữu tướng, kinh đại Bát-nhã gọi là Sinh. Trong phần Sơ giải đã đối chiếu với kinh đại Bát-nhã để biện giải xong. Các môn khác có thể nói tóm lược.

- Số câu: “Một là không ngoài Tự tướng, Cộng tướng”:

- “Tự tướng” tức như Sắc với chất là tướng ngăn ngại; Thọ với tướng là lãnh nhận, v.v... Mỗi thứ đều có hệ thuộc riêng của chúng.

- “Cộng tướng”: Tức như năm uẩn v.v cùng có tính chất Vô thường, khổ, không, Vô ngã.

Hai thứ trên đều là Tướng bên ngoài.

Hai là Vô vi, là Thể của các pháp. Các pháp không ra ngoài hai pháp ấy.

- Sở câu: “Loại trừ Có thì chẳng giữ lại Không”: Là biện minh Có Không là không hai. Cho nên Có tức là Không. Nếu loại bỏ nơi có tức là đã loại trừ Không. Nếu loại bỏ Có mà giữ lấy Không thì Có, Không là hai.

- Sở câu: “Ắt đạt được là Quả”: Đây là giải thích về Quả báo, có hai nghĩa:

Một: Quả chung cho Hiện tại. Báo chỉ là vị lai. Như tu pháp Sơ thiền là nhận của sự tu tập. Chứng đắc Sơ thiền là quả của sự tu tập. Cho nên nói: Nhân của sự tu tập, tu tập liên tục ở trước thì quả của sự tu tập. Ất phải đạt được nơi sau.

Trên là một lớp Nhân Quả, đối chiếu với kia báo của nó đương có, gọi chung là Nhân, được sinh cõi Sơ thiền, các cõi trời Phạm chúng v.v mới gọi là cảm nhận nơi báo. Cho nên ở trên nói: “Đáp lại Nhân là Báo”.

Từ câu: “Đây tức là” tiếp xuống: Là tóm kết, chỉ rõ.

Hai: Từ câu: “Lại nữa, Báo nghĩa là Hữu lậu..” tiếp xuống: Tức Quả cùng với Báo cùng ở nơi vị lai.

- Sở câu: “Thí nhỏ quả nhỏ, thí lớn quả lớn”:

Ở đây, lớn, nhỏ có ba trường hợp:

Một: Vật bố thí ít là nhỏ. Vật bố thí nhiều là lớn.

Hai: Bố thí với tâm nhỏ là nhỏ. Bố thí với tâm lớn là lớn. Tự lợi, vô thường v.v... là nhỏ. Lợi tha, quán không v.v... là lớn.

Ba: Quả gần là nhỏ. Quả rất ráo là lớn.

